

QUYẾT ĐỊNH
về việc ban hành Chương trình đào tạo nghề Du lịch sinh thái – Du lịch
cộng đồng, đào tạo dưới 3 tháng, cập nhật lần I, năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-LĐTĐ ngày 16/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum thành Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-LĐTĐ ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về tổ chức lại Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-CDKT ngày 14/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 275/QĐ-CDCT ngày 05/4/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định xây dựng, cập nhật, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông báo số 701/TB-CDKT ngày 10/10/2023 của Trường Cao đẳng Kon Tum về việc cập nhật chương trình đào tạo nghề Du lịch cộng đồng, đào tạo dưới 3 tháng, lần thứ I, năm 2023;

Xét đề nghị của Phụ trách khoa Kinh tế và Nông Lâm, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo nghề Du lịch sinh thái - Du lịch cộng đồng, đào tạo dưới 3 tháng, cập nhật lần I, năm 2023 (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Trường;
- Lưu: VT, KTNL.

HIỆU TRƯỞNG**Lê Trí Khải**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO DƯỚI 3 THÁNG

*(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKT ngày 12/10/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum)*

Tên chương trình: Du lịch sinh thái - Du lịch cộng đồng (Ecotourism - Community Based Tourism)

Thời gian đào tạo: 2 tháng

Số mô đun: 2

Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đầu vào: Người từ đủ 15 tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề

I. MÔ TẢ VỀ KHÓA HỌC

Khóa học trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành nghề Du lịch cộng đồng, đảm bảo đạt được các yêu cầu cơ bản về cung cấp dịch vụ du lịch cộng đồng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13259:2020 Du lịch cộng đồng – Yêu cầu về chất lượng dịch vụ¹, giúp người học thuận lợi tham gia vào quá trình hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng tại địa phương.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- 1.1. Trình bày được khái niệm các thuật ngữ chuyên môn trong du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng;
- 1.2. Liệt kê được các loại hình du lịch cộng đồng phổ biến;
- 1.3. Liệt kê được các yêu cầu về chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng;
- 1.4. Mô tả được quy trình tổ chức cung cấp dịch vụ du lịch cộng đồng;

¹ Quyết định số 3941/QĐ-BKHHCN ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Tiêu chuẩn quốc gia về Du lịch cộng đồng.

1.5. Trình bày được các yêu cầu về bảo vệ môi trường, vệ sinh, an ninh, phòng chống cháy nổ;

1.6. Trình bày được định hướng phát triển du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2030;

1.7. Ghi nhớ từ vựng và cách sử dụng các thuật ngữ tiếng Anh thông dụng về du lịch cộng đồng.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

- Đọc hiểu các văn bản, tài liệu và các quy định liên quan đến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng;

- Hoàn thành các công việc trong quá trình cung cấp dịch vụ du lịch cộng đồng đạt yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN13259:2020 Du lịch cộng đồng – Yêu cầu chất lượng dịch vụ, bao gồm: Tổ chức dịch vụ hướng dẫn du lịch cộng đồng; tổ chức các hoạt động cung cấp thông tin du lịch cộng đồng; tổ chức dịch vụ tham quan; tổ chức dịch vụ ăn uống; tổ chức dịch vụ lưu trú; tổ chức dịch vụ vui chơi, giải trí; tổ chức dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương; tổ chức hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật tại cộng đồng; thực hiện các biện pháp an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh khu vực kinh doanh du lịch cộng đồng;

- Sử dụng tiếng Anh giao tiếp cơ bản trong quá trình cung cấp dịch vụ du lịch cộng đồng.

2.1. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng xử lý, giải quyết vấn đề;
- Kỹ năng tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, khiếu nại của khách du lịch.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Cam kết hoạt động du lịch cộng đồng một cách có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp;

3.2. Tuân thủ các quy định của Nhà nước và địa phương trong phát triển du lịch cộng đồng;

3.3. Chủ động học tập, trau dồi các kiến thức, kỹ năng cứng và kỹ năng mềm có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch cộng đồng.

III. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Tổng thời gian toàn khóa: 2 tháng

2. Thời gian thực học: 220 giờ, trong đó:

a) Thời gian giảng dạy: 220 giờ

- Thời gian giảng dạy lý thuyết: 42 giờ

- Thời gian giảng dạy thực hành, thực tập: 178 giờ

b) Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: 15 giờ

3. Thời gian cho các hoạt động chung, dự phòng: 01 tuần

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MĐ	Tên mô đun	Thời gian			Kiểm tra
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
33155100	Dịch vụ du lịch cộng đồng	160	30	130	12
33282101	Tiếng Anh du lịch cộng đồng	60	12	48	3
Tổng cộng		220	42	178	15

** Ghi chú: Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun không nằm trong thời gian đào tạo của mô đun. Thời gian kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ được bố trí trong thời gian thực hành của mô đun.*

V. CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

(Nội dung chi tiết các chương trình mô đun tại Phụ lục I, II kèm theo)

VI. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN HOÀN THÀNH KHÓA HỌC

Quy trình đào tạo được thực hiện theo Thông tư số 5828/VBHN-BLĐTBXH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên và được cụ thể hóa tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Quyết định số 536/QĐ-CĐCĐ ngày 10/6/2021 của nhà trường về việc ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên.

Quy trình kiểm tra, xét điều kiện hoàn thành khóa học và cấp chứng chỉ đào tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 17 tại Quyết định số 536/QĐ-CĐCĐ ngày 10/6/2021.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp chứng chỉ đào tạo nghề Du lịch sinh thái - Du lịch cộng đồng, đào tạo dưới 3 tháng theo quy định của nhà trường.

VII. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (tại Phụ lục III kèm theo)

1. Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

3. Thư viện và học liệu

4. Các điều kiện khác

VIII. PHƯƠNG PHÁP VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ TRONG CHƯƠNG TRÌNH

1. Hướng dẫn kiểm tra trong quá trình đào tạo

- *Kiểm tra đầu khóa học*: Khi bắt khóa học, giáo viên, người dạy nghề thực hiện kiểm tra, đánh giá về kiến thức, kỹ năng mềm và kỹ năng nghề đối với học viên để chuẩn bị nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp. Nội dung,

phương pháp kiểm tra do giáo viên, người dạy nghề trực tiếp giảng dạy lựa chọn, quyết định.

- *Kiểm tra kết thúc mô đun*: Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức: Đạt yêu cầu và Không đạt yêu cầu, có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người đánh giá.

Học viên có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu, thì phải tự ôn tập nội dung kiến thức và thực hành nghề đã học để dự kiểm tra lại. Số lần kiểm tra lại tối đa là 2 lần. Nếu kiểm tra lại lần thứ hai vẫn không đạt yêu cầu, thì phải học lại (nếu học viên có nhu cầu).

- *Phương pháp và thang điểm đánh giá*: được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Quy chế đào tạo, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên đã được ban hành kèm theo Quyết định số 536/QĐ-CĐCĐ ngày 10/6/2021 của nhà trường về việc ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên.

2. Các chú ý khác: Không./.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Dịch vụ du lịch cộng đồng (Community Based Tourism Services)

Mã mô đun: 33155100

Thời gian thực hiện mô đun: 160 giờ (lý thuyết: 30 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 130 giờ); kiểm tra 12 giờ.

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Mô đun Dịch vụ du lịch cộng đồng là mô đun thứ nhất, được bố trí giảng dạy đầu tiên trong chương trình đào tạo nghề Du lịch sinh thái - Du lịch cộng đồng, đào tạo thường xuyên.

II. Tính chất

Là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kiến thức

1. Trình bày được khái niệm các thuật ngữ chuyên môn trong du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng;
2. Trình bày được định hướng phát triển du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2030;
3. Liệt kê được các yêu cầu về chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng;
4. Liệt kê được các loại hình du lịch cộng đồng phổ biến;
5. Mô tả được quy trình tổ chức cung cấp dịch vụ du lịch cộng đồng;

II. Về kỹ năng

1. Đọc hiểu các văn bản, tài liệu và các quy định liên quan đến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng;

2. Hoàn thành đạt chuẩn các công việc trong quá trình kinh doanh du lịch cộng đồng, bao gồm: Tổ chức dịch vụ hướng dẫn du lịch cộng đồng; tổ chức các hoạt động cung cấp thông tin du lịch cộng đồng; tổ chức dịch vụ tham quan; tổ chức dịch vụ ăn uống; tổ chức dịch vụ lưu trú; tổ chức dịch vụ vui chơi, giải trí; tổ chức dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương; tổ chức hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật tại cộng đồng; thực hiện các biện pháp an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh khu vực kinh doanh du lịch cộng đồng.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Cam kết hoạt động du lịch cộng đồng một cách có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp;

2. Tuân thủ các quy định của Nhà nước và địa phương trong phát triển du lịch cộng đồng.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan về du lịch cộng đồng 1. Thuật ngữ và định nghĩa 2. Đặc điểm và tác động của du lịch cộng đồng 3. Các loại hình du lịch cộng đồng phổ biến	10	3	7	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thảo luận	Kiểm tra
	4. Khái niệm và đặc điểm của du lịch sinh thái				
2	Bài 2: Dịch vụ hướng dẫn du lịch cộng đồng 1. Khái niệm 2. Yêu cầu chất lượng về dịch vụ hướng dẫn du lịch cộng đồng 3. Tổ chức cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch cộng đồng	20	4	16	
3	Bài 3: Điểm thông tin du lịch cộng đồng 1. Khái niệm 2. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ điểm thông tin du lịch cộng đồng 3. Tổ chức các hoạt động của điểm thông tin du lịch cộng đồng	11	2	9	
4	Bài 4: Dịch vụ tham quan 1. Khái niệm và các loại hình tham quan 2. Yêu cầu chất lượng đối với dịch vụ tham quan du lịch cộng đồng 3. Tổ chức dịch vụ tham quan du lịch cộng đồng	17	3	14	
5	Bài 5: Dịch vụ ăn uống 1. Giới thiệu về dịch vụ ăn uống 2. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ	17	3	14	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thảo luận	Kiểm tra
	ăn uống 3. Tổ chức thực hiện dịch vụ ăn uống				
6	Bài 6: Dịch vụ lưu trú 1. Giới thiệu về dịch vụ lưu trú 2. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ lưu trú 3. Tổ chức dịch vụ lưu trú	17	3	14	
7	Bài 7: Dịch vụ vui chơi, giải trí 1. Giới thiệu về dịch vụ vui chơi, giải trí 2. Yêu cầu đối dịch vụ vui chơi, giải trí 3. Tổ chức dịch vụ vui chơi, giải trí	17	3	14	
8	Bài 8: Hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống tại cộng đồng 1. Giới thiệu về hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống 2. Yêu cầu đối với hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống 3. Tổ chức hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống tại cộng đồng	17	3	14	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thảo luận	Kiểm tra
9	Bài 9: Dịch vụ mua sắm sản phẩm tại địa phương 1. Giới thiệu về dịch vụ mua sắm sản phẩm tại địa phương 2. Yêu cầu đối với dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương 3. Tổ chức dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương	17	3	14	
10	Bài 10: Bảo vệ môi trường, vệ sinh, an ninh và phòng chống cháy nổ. 1. Những vấn đề chung về bảo vệ môi trường, vệ sinh, an ninh và phòng chống cháy nổ 2. Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh, an ninh và phòng chống cháy nổ trong du lịch cộng đồng	17	3	14	
	Kiểm tra kết thúc mô đun ²				12
Cộng		160	30	130	12

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa của các thuật ngữ liên quan đến du lịch cộng đồng;

² Thời gian kiểm tra kết thúc mô đun không nằm trong thời gian thực học của mô đun.

2. Trình bày được định hướng phát triển du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2030;
3. Liệt kê được các loại hình du lịch cộng đồng phổ biến;
4. Đọc hiểu các văn bản, quy định có liên quan đến du lịch cộng đồng;
5. Thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng và các quy định mới liên quan đến du lịch cộng đồng.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Thuật ngữ và định nghĩa (1)

2. Đặc điểm và tác động của du lịch cộng đồng (2, 3)

2.1. Đặc điểm của du lịch cộng đồng

2.2. Tác động của du lịch cộng đồng

3. Các loại hình du lịch cộng đồng phổ biến (7)

4. Định hướng phát triển du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2030 (22)

BÀI 2: DỊCH VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 20 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các công việc của một hướng dẫn viên du lịch cộng đồng;
2. Liệt kê được các yêu cầu chất lượng đối với dịch vụ hướng dẫn du lịch cộng đồng;
3. Hoàn thành đạt chuẩn công việc thuyết minh về một điểm du lịch cộng đồng;
4. Chấp hành các quy định đối với hướng dẫn viên du lịch cộng đồng.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Khái niệm (1)

2. Yêu cầu chất lượng về dịch vụ hướng dẫn du lịch cộng đồng (1)

2.1. Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm của người hướng dẫn du lịch cộng đồng

2.2. Yêu cầu nội dung thông tin cung cấp cho khách du lịch

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch cộng đồng (2, 4, 6)

3.1. Chuẩn bị

3.2. Thực hiện cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch cộng đồng

BÀI 3: ĐIỂM THÔNG TIN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về điểm thông tin du lịch cộng đồng;
2. Liệt kê được các yêu cầu cơ bản của điểm thông tin du lịch cộng đồng;
3. Hoàn thành đạt chuẩn công việc thiết kế biển báo, biển hiệu trong du lịch cộng đồng;
4. Hình thành tác phong nhanh nhẹn, linh hoạt và trung thực trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Khái niệm (1)

2. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ điểm thông tin du lịch cộng đồng (1)

2.1. Yêu cầu về vị trí, thiết kế, kiến trúc, trang thiết bị, tiện nghi

2.2. Yêu cầu về quản lý và vận hành của điểm thông tin du lịch

3. Tổ chức các hoạt động của điểm thông tin du lịch cộng đồng (1)

3.1. Thiết kế điểm thông tin

3.2. Xây dựng hệ thống biển báo

3.3. Quản lý, vận hành điểm thông tin

BÀI 4: DỊCH VỤ THAM QUAN

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về dịch vụ tham quan;
2. Liệt kê được các loại hình tham quan trong du lịch cộng đồng;
3. Ghi nhớ các yêu cầu chất lượng đối với chương trình tham quan du lịch cộng đồng;
4. Hoàn thành đạt chuẩn công việc thiết kế chương trình tham quan du lịch cộng đồng;

5. Cam kết thực hiện đúng chương trình tham quan đã thông tin cho khách du lịch;

6. Tuân thủ các quy định của địa phương và điểm tham quan.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Khái niệm và các loại hình tham quan (7-9)

1.1. Khái niệm

1.2. Các loại hình tham quan

2. Yêu cầu chất lượng đối với dịch vụ tham quan du lịch cộng đồng (1)

3. Tổ chức dịch vụ tham quan du lịch cộng đồng (1, 8, 10)

3.1. Thiết kế chương trình tham quan du lịch cộng đồng

3.2. Cung cấp dịch vụ tham quan

3.3. Tổ chức lấy ý kiến của khách du lịch về chất lượng dịch vụ tham quan

BÀI 5: DỊCH VỤ ĂN UỐNG

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm dịch vụ ăn uống;
2. Gọi tên được các loại đồ ăn, thức uống truyền thống của địa phương;
3. Liệt kê được các yêu cầu về chất lượng đối với dịch vụ ăn uống trong du lịch cộng đồng;
4. Hoàn thành đạt chuẩn công việc xây dựng thực đơn;
5. Hoàn thành đạt chuẩn các công việc chuẩn bị để cung cấp dịch vụ ăn uống;
6. Hình thành đạo đức và lương tâm nghề nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ ăn uống;
7. Chấp hành các quy định đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong du lịch cộng đồng.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu về dịch vụ ăn uống (1)

1.1. Khái niệm dịch vụ ăn uống

1.2. Các loại dịch vụ ăn uống trong du lịch cộng đồng

2. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ ăn uống (1)

2.1. Yêu cầu chất lượng về cung cấp dịch vụ ăn uống

2.2. Yêu cầu quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm

3. Tổ chức dịch vụ ăn uống (11)

3.1. Xây dựng thực đơn

3.2. Cung cấp dịch vụ ăn uống

BÀI 6: DỊCH VỤ LƯU TRÚ

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về dịch vụ lưu trú và cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú;
2. Liệt kê được các yêu cầu về chất lượng dịch vụ lưu trú;
3. Hoàn thành đạt chuẩn các công việc trong cung cấp dịch vụ lưu trú: chuẩn bị phòng; chào đón khách; thu thập thông tin cá nhân của khách trên các giấy tờ tùy thân; giới thiệu gia đình và các dịch vụ với khách; thanh toán; tiễn khách; xử lý những góp ý và phàn nàn của khách;
4. Lắng nghe và giải quyết những phản hồi của khách, thân thiện, hiếu khách, quan tâm đến khách;
5. Tuân thủ quy tắc ứng xử dành cho cơ sở cung cấp dịch vụ lưu trú.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu về dịch vụ lưu trú (1)

2. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ lưu trú (1)

3. Tổ chức dịch vụ lưu trú (12)

3.1. Quy trình phục vụ khách lưu trú

3.2. Cung cấp dịch vụ lưu trú

BÀI 7: DỊCH VỤ VUI CHƠI, GIẢI TRÍ

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí;

2. Gọi tên được các trò chơi dân gian truyền thống của địa phương;
3. Liệt kê được các yêu cầu đối với dịch vụ vui chơi, giải trí;
4. Hoàn thành đạt chuẩn công việc xây dựng bảng giá dịch vụ vui chơi, giải trí;
5. Làm được ít nhất một dụng cụ cho hoạt động vui chơi, giải trí sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương;
6. Tuân thủ các quy định về an toàn trong cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu về dịch vụ vui chơi, giải trí (13-15)

1.1. Khái niệm

1.2. Đặc điểm dịch vụ vui chơi, giải trí

1.3. Các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí

2. Yêu cầu đối dịch vụ vui chơi, giải trí (1)

2.1. Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí

2.2. Yêu cầu về an toàn và chất lượng dịch vụ

3. Tổ chức dịch vụ vui chơi, giải trí (16)

3.1. Xây dựng bảng giá

3.2. Cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí

BÀI 8: HOẠT ĐỘNG TRÌNH DIỄN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG TẠI CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nhắc lại khái niệm và đặc trưng của văn hóa, nghệ thuật truyền thống;
2. Liệt kê các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống tại Kon Tum;
3. Hoàn thành việc tổ chức hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống tại cộng đồng;
4. Cam kết thực hiện các nội dung chương trình trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống đảm bảo tính xác thực và đúng với thông tin đã cung cấp cho khách du lịch.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu về hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống (1, 17, 18)

1.1. Khái niệm

1.2. Đặc trưng của văn hóa, nghệ thuật truyền thống

1.3. Một số loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống

2. Yêu cầu đối với hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống (1)

3. Tổ chức hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống tại cộng đồng (1)

3.1. Xây dựng chương trình trình diễn văn hóa, nghệ thuật tại cộng đồng

3.2. Tổ chức trình diễn văn hóa, nghệ thuật tại cộng đồng

BÀI 9: DỊCH VỤ MUA SẮM SẢN PHẨM ĐỊA PHƯƠNG

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, đặc điểm của sản phẩm địa phương và gọi tên được một số sản phẩm truyền thống của địa phương;

2. Liệt kê được các yêu cầu chất lượng đối với dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương;

3. Hoàn thành đạt chuẩn các công việc trong tổ chức dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương như: trưng bày và niêm yết giá; tư vấn, giới thiệu sản phẩm địa phương; bán hàng;

4. Có thái độ văn minh, lịch sự trong quá trình phục vụ khách;

5. Đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định hiện hành.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu về dịch vụ mua sắm sản phẩm tại địa phương (1, 19)

1.1. Khái niệm

1.2. Đặc điểm của sản phẩm địa phương

2. Yêu cầu đối với dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương (1)

2.1. Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương

2.2. Yêu cầu đối với chất lượng sản phẩm địa phương

3. Tổ chức dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương (20)

3.1. Trưng bày sản phẩm và niêm yết giá

3.2. Cung cấp dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương

BÀI 10: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, VỆ SINH, AN NINH VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

(Thời gian: 17 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các yêu cầu về bảo vệ môi trường, vệ sinh, an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ trong du lịch cộng đồng;
2. Hoàn thành đạt chuẩn các công việc: vệ sinh sạch sẽ khu vực lưu trú, ăn uống, nhà vệ sinh, khu sinh hoạt chung; sơ cứu; phòng cháy, chữa cháy;
3. Tuân thủ các quy định về vệ sinh, an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ;

II. NỘI DUNG BÀI

1. Những vấn đề chung về bảo vệ môi trường, vệ sinh, an ninh và phòng chống cháy nổ (1)

1.1. Bảo vệ môi trường, vệ sinh

1.2. An ninh, an toàn

1.3. Phòng chống cháy nổ

2. Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh, an ninh và phòng chống cháy nổ trong du lịch cộng đồng (21)

2.1. Thực hiện bảo vệ môi trường, vệ sinh

2.2. Thực hiện một số biện pháp an ninh, an toàn

2.3. Thực hiện phòng chống cháy nổ

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

Phòng học lý thuyết, địa điểm thực hành tại thôn làng có điểm du lịch cộng đồng.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy vi tính, máy chiếu, bảng flipchart.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo trình mô đun “Các dịch vụ du lịch cộng đồng”, giấy A0, A4, bút chì, bút bi, bút dạ, bút lông, băng keo giấy, sổ tay cho hướng dẫn viên, catalogue chương trình tham quan mẫu, thực đơn mẫu, bảng giá mẫu các dịch vụ, cờ hiệu, mô hình bảng hiệu, micrô đeo tai, dụng cụ sơ cứu y tế, dụng cụ phục vụ ăn uống, dụng cụ phục vụ vệ sinh môi trường, dụng cụ phòng chống cháy nổ.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

Yêu cầu về chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng; Quy trình tổ chức cung cấp các dịch vụ du lịch cộng đồng: Hướng dẫn du lịch, tham quan, ăn uống, lưu trú, mua sắm sản phẩm địa phương, trình diễn văn hóa nghệ thuật truyền thống, vui chơi giải trí.

2. Kỹ năng

Thuyết minh tại điểm du lịch cộng đồng; thiết kế chương trình tham quan; xây dựng thực đơn; bán hàng; xây dựng bảng giá dịch vụ vui chơi, giải trí; phục vụ khách lưu trú; xây dựng chương trình trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống; vệ sinh khu vực kinh doanh du lịch cộng đồng.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác, tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong học tập; rèn luyện tính kiên trì, cẩn thận, sáng tạo trong quá trình tham gia vào hoạt động du lịch cộng đồng tại địa phương; đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

II. Phương pháp

Nội dung kiến thức được đánh giá thông qua quan sát khả năng giải quyết các tình huống hoặc trả lời các câu hỏi.

Nội dung kỹ năng được đánh giá thông qua quan sát người học thực hành các công việc đã được hướng dẫn.

Kiểm tra kết thúc mô đun: Hình thức kiểm tra thực hành, thời gian 12 giờ.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình chi tiết mô đun Dịch vụ du lịch cộng đồng được sử dụng trong đào tạo nghề Du lịch sinh thái - Du lịch cộng đồng, đào tạo thường xuyên, cập nhật lần thứ I của Trường Cao đẳng Kon Tum.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

Chuẩn bị tốt các phương tiện và dụng cụ phục vụ giảng dạy; áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực để phát huy tính chủ động cho người học; sử dụng các ví dụ thực tế để minh họa lý thuyết; sử dụng công cụ hỗ trợ để nâng cao hiệu quả giảng dạy lý thuyết; thực hành mẫu các công việc, có hướng dẫn, giải thích và yêu cầu người học làm theo; quan sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hành của người học.

2. Đối với người học

Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu và dụng cụ, nguyên vật liệu học tập theo yêu cầu của nhà giáo; lắng nghe giảng bài và ghi chép khi cần; quan sát nhà giáo thực hiện các công việc mẫu, rút kinh nghiệm và thực hành theo hướng dẫn.

III. Những trọng tâm cần chú ý

IV. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Khoa học Công nghệ. Quyết định về công bố tiêu chuẩn quốc gia. Bộ Khoa học Công nghệ; 2020.

[2] Đoàn Mạnh Cường, Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững [24/6/2019]. Available from: <https://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/29392>.

[3] Quỹ Châu Á. Tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng. Hà Nội: Viện Nghiên cứu và Phát triển Ngành nghề nông thôn Việt Nam; 2012.

[4] Chương trình phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội, WWF - Việt Nam. Sổ tay du lịch cộng đồng Việt Nam: Phương pháp tiếp cận dựa vào thị trường. Hà Nội. Available from: wwf.panda.org.

[5] Linh Hà. Du lịch cộng đồng - Xu hướng du lịch Việt Nam năm 2021 [02/3/2021]. Available from: <https://www.vntrip.vn/cam-nang/du-lich-cong-dong-113228>.

[6] Bùi Thanh Thủy. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; 2011.

[7] Quốc hội. Luật du lịch. Hà Nội: Quốc hội; 2017.

[8] Cv.com.vn. Chương trình du lịch là gì? Các giai đoạn của tổ chức chương trình du lịch là gì [25/02/2020]. Available from: <https://workshop.vn/chuong-trinh-du-lich-la-gi/>.

[9] Lưu Hà Chi. Tham quan du lịch là gì? Các loại hình tham quan du lịch [12/6/2021]. Available from: <https://luanvanviet.com/tham-quan-du-lich-la-gi/>.

[10] Nguyễn Phương. Quy trình thiết kế một chương trình tour du lịch hoàn chỉnh [9/6/2020]. Available from: <https://designwebtravel.com/thiet-ke-tour-du-lich.html>.

[11] Nguyễn Văn Lợi. Vệ sinh an toàn thực phẩm trong du lịch. Tạp chí điện tử du lịch.

[12] Bộ văn hóa thể thao và du lịch Tcdl. Tài liệu hướng dẫn vận hành du lịch lưu trú tại nhà dân. Hà Nội: Chương trình phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội.

[13] Lê Thành Diễn. Phát triển du lịch cộng đồng huyện Konplông, tỉnh Kon Tum. Đà Nẵng: Trường Đại học kinh tế Đà Nẵng.

[14] Nguyễn Thị Phương Loan. Nghiên cứu phát triển dịch vụ vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch tại Hạ Long - Quảng Ninh. Hà Nội: Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn; 2011.

[15] Vĩnh An. Những địa danh không nên "bỏ lỡ" khi đến phố núi Kon Tum. Văn hóa điện tử.

[16] Luật Tiên Phong. Tiêu chuẩn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí Hà Nội [2020]. Available from: <https://luattienphong.net/tieu-chuan-doi-voi-co-so-kinh-doanh-dich-vu-vui-choi-giai-tri/>.

[17] Văn hóa Việt Nam [Available from: <https://vi.wikipedia.org>].

[18] Đoàn Xuân Tiến. Văn hóa du lịch Kon Tum Kon Tum [13/11/2020]. Available from: <https://khamphataynguyen.com/van-hoa-du-lich-kon-tum/>.

[19] Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum. Sản phẩm địa phương tỉnh Kon Tum Kon Tum [2021]. Available from: <https://www.kontum.gov.vn/dac-san/san-pham-dia-phuong.html>.

[20] Hải Linh. Kon Tum: Gia tăng giá trị sản phẩm địa phương Kon Tum [05/5/2020]. Available from: <https://langngheviet.com.vn/khuyen-cong/kon-tum-gia-tang-gia-tri-san-pham-dia-phuong.html20397>.

[21] Phan Anh Tuấn. An ninh an toàn cho khách du lịch trong hành trình du lịch tại thành phố Hà Nội. Hà Nội: Trường đại học quốc gia Hà Nội; 2014.

[22] Tỉnh ủy Kon Tum. Nghị quyết số 12-NQ/TU, 2022.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Tiếng Anh du lịch cộng đồng

Mã mô đun: 33282101

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (lý thuyết: 12 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 48 giờ); kiểm tra: 3 giờ.

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Mô đun Tiếng Anh du lịch cộng đồng là mô đun thứ 2 trong chương trình đào tạo nghề Du lịch sinh thái - Du lịch cộng đồng, đào tạo dưới 3 tháng; được bố trí giảng dạy sau khi học viên học xong mô đun Dịch vụ du lịch cộng đồng.

II. Tính chất

Là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Về kiến thức

1. Ghi nhớ từ vựng tiếng Anh các thuật ngữ chuyên môn trong du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng;
2. Diễn đạt được các mẫu hội thoại một số tình huống trong du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng bằng tiếng Anh.

II. Về kỹ năng

Sử dụng tiếng Anh giao tiếp cơ bản trong quá trình cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

II. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thường xuyên rèn luyện khả năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp trong du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Unit 1: At the reception 1. Practicing for check in and check out 2. Introducing kinds of popular cards 3. Talking about feelings 4. Practice 5 Consolidation	12	3	9	
2	Unit 2: At the restaurant 1. Asking and answering about drinks and food 2. Saying prices 3. Practicing how to offer and accept 4. Practice 5. Consolidation	12	3	9	
3	Unit 3: At the shop 1. Asking and answering about local specialities and goods 2. Saying prices 3. Practicing how to offer and accept 4. Practice 5. Consolidation	12	2	8	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
4	Unit 4: Tour planning 1. Asking and answering about short tours in Kon Tum 2. Saying prices 3. Practicing how to offer and accept 4. Practice 5. Consolidation	14	2	12	
5	Unit 5: Local Festivals 1. Introducing the popular festivals in Kon Tum 2. Talking about local festivals 3. Talking about some activities in local areas 4. Practice 5. Consolidation	12	2	10	
	Check				3
Cộng		60	12	48	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

UNIT 1: AT THE RECEPTION

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Ghi nhớ một số từ vựng tiếng Anh trong giao tiếp tại quầy lễ tân;
2. Hoàn thành đạt chuẩn việc giao tiếp cơ bản với khách du lịch tại quầy lễ tân bằng tiếng Anh;
3. Tự tin trong đón tiếp khách du lịch nước ngoài.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Practicing for check in and check out (1)

2. Introducing kinds of popular card (2)

3. Talking about feelings

4. Practice

4.1. Sentence patterns

4.2. Role-play

4.3. *Read the information below. Then practice asking and responding for check in and check out.*

5. Consolidation

UNIT 2: AT THE RESTAURANT

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Ghi nhớ từ vựng tiếng Anh dùng để giới thiệu các loại đồ ăn, thức uống truyền thống của địa phương cho khách du lịch;

2. Hoàn thành đạt chuẩn công việc phục vụ ăn uống cho khách du lịch bằng tiếng Anh;

3. Thường xuyên rèn luyện khả năng sử dụng tiếng Anh trong phục vụ khách du lịch.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Asking and answering about drinks and food (3)

2. Saying prices.

3. Practicing how to offer and accept. (2)

4. Practice

4.1. Sentence patterns

4.2. Role-play

4.3. *Read the information below. Then practice asking and responding for drinks and food at the restaurant*

5. Consolidation

UNIT 3: AT THE SHOP

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Ghi nhớ từ vựng tiếng Anh dùng để giới thiệu các loại đồ ăn, thức uống truyền thống của địa phương cho khách du lịch;
2. Hoàn thành đạt chuẩn việc giao tiếp với khách trong quá trình giao dịch trao đổi mua bán các sản phẩm địa phương;
3. Tự tin trong giao tiếp, có ý thức giới thiệu quảng bá sản phẩm địa phương với du khách.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Asking and answering about local specialities and goods (4)

2. Saying prices.

3. Practicing how to offer and accept.

3.1. Sentence patterns

3.2. Role-play

4. Practice

4.1. Sentence patterns (2)

4.2. Role-play

4.3. Read the information below. Then practice asking and responding for products at the shop.

5. Consolidation

UNIT 4: TOUR PLANNING

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Ghi nhớ từ vựng tiếng Anh thông dụng để hướng dẫn khách du lịch tham quan tại các điểm/khu du lịch cộng đồng;
2. Hoàn thành đạt chuẩn việc thuyết minh một điểm du lịch cộng đồng cho khách du lịch bằng tiếng Anh;

3. Tự tin trong giao tiếp, có ý thức giới thiệu quảng bá các sản phẩm du lịch cộng đồng của địa phương với du khách.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Asking and answering about short tours in Kon Tum

2. Saying prices

3. Practicing how to offer and accept (5)

4. Practice

4.1. Sentence patterns

4.2. Role-play

4.3. Read the information below. Then practice asking and responding for tour planning.

5. Consolidation

UNIT 5: LOCAL FESTIVALS

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Ghi nhớ từ vựng tiếng Anh thông dụng để giới thiệu văn hóa, nghệ thuật truyền thống của địa phương cho khách du lịch;

2. Hoàn thành đạt chuẩn công việc thuyết minh cho khách du lịch về một nét đẹp văn hóa hay một loại hình nghệ thuật truyền thống của địa phương;

3. Thường xuyên phát huy tinh thần tự học, tự tin trong giao tiếp, có ý thức giới thiệu quảng bá các bản sắc truyền thống của địa phương với du khách.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Introducing the popular festivals in Kon Tum (6)

2. Talking about local festivals

3. Talking about some activities in the local areas

4. Practice (5)

4.1. Sentence patterns

4.2. Role-play

4.3. Read the information below. Then practice asking and responding for local festivals in Kon Tum.

5. Consolidation

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

Học viên được học trong lớp hoặc phòng Lab.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy tính, projector, loa

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo trình, tài liệu tham khảo

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

Ghi nhớ từ vựng tiếng Anh thông dụng trong cung cấp dịch vụ du lịch cộng đồng: Hướng dẫn du khách tại điểm; ăn uống; lưu trú; mua sắm sản phẩm địa phương; trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống;...

2. Kỹ năng

Giao tiếp bằng tiếng Anh trong phục vụ du khách; xử lý những góp ý và phàn nàn của khách bằng tiếng Anh.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu: Có tài liệu bắt buộc, vở ghi chép và làm bài tập; học viên phải dự lớp tối thiểu 80% tổng số tiết của học phần; học viên có đầy đủ các cột điểm kiểm tra định kỳ.

II. Phương pháp

Nội dung kiến thức được đánh giá thông qua đặt câu hỏi vấn đáp cho người học.

Nội dung kỹ năng được đánh giá thông qua các hoạt động thực hành một số tình huống cụ thể của người học.

Kiểm tra kết thúc mô đun: Hình thức kiểm tra thực hành hội thoại (thời gian: 5-10 phút/học viên)

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình chi tiết mô đun Tiếng Anh du lịch cộng đồng được sử dụng để giảng dạy trong chương trình đào tạo nghề Du lịch sinh thái - Du lịch cộng đồng, đào tạo thường xuyên của Trường Cao đẳng Kon Tum.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

Đây là môn học gắn liền với thực hành kỹ năng ngôn ngữ nên giảng viên cần áp dụng Phương pháp giao tiếp vào trong giảng dạy, đưa các ví dụ thực tế vào bài học nhằm gây hứng thú cho sinh viên, làm cho học viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của mô đun.

2. Đối với người học

- Học viên phải chuẩn bị bài và hoàn thành các nhiệm vụ được giảng viên giao về nhà trước khi đến lớp.

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

- Tích cực tham gia các hoạt động được giảng viên tổ chức trong lớp học, thường xuyên cập nhật, hoàn thành nhiệm vụ trên các trang web giảng viên giao để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực ngôn ngữ.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Chương trình mô đun Tiếng Anh du lịch cộng đồng chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ cho người học nên cần quan tâm đến các hoạt động tích hợp để phát triển các kỹ năng giao tiếp.

IV. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyen Thi Thu Hoai, Lan LTH. AT THE RECEPTION. TIẾNG ANH GIAO TIẾP. Kon Tum: Kon Tum Community College 2018. p. 14-8.

[2] ABC L. Hotel English. A Hands-On-Course For Hotel Professionals Ho Chi Minh: Tong Hop Tp Ho Chi Minh; 2010.

[3] Nguyen Thi Thu Hoai, Lan LTH. AT THE RESTAURANT. TIẾNG ANH GIAO TIẾP. Kon Tum: Kon Tum Community College 2018. p. 24-30.

[4] Nguyen Thi Thu Hoai, Lan LTH. AT THE SHOP. TIẾNG ANH GIAO TIẾP. Kon Tum: Kon Tum Community College 2018. p. 31-7.

[5] ABC L. TOUR PLANNING. Hotel English A Hands-On-Course For Hotel Professionals Ho Chi Minh: Tong Hop Tp Ho Chi Minh; 2010. p. 56-73.

[6] Information VT. WHAT TO DO IN KON TUM TRAVEL TOURIST GUIDE 2020 [Available from: <https://www.itourvn.com/blog/what-to-do-in-kon-tum-travel-guides>].

[7] [Du lịch cộng đồng - Xu hướng du lịch ở Việt Nam năm 2021 - Vntrip.vn](https://www.vntrip.vn/cam-nang-du-ich-cong-dong), <https://www.vntrip.vn/cam-nang-du-ich-cong-dong>.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

Phụ lục III
ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nhà giáo

a) Nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
1	Hồ Trịnh Nhất Gia	ThS. Luật	NVSP dạy trình độ cao đẳng	CC kỹ năng nghề Hướng dẫn du lịch - Bậc 1	Mô đun 1
2	Nguyễn Thị Hòa	ThS. Kinh tế phát triển	NVSP dạy trình độ cao đẳng	CC kỹ năng nghề Dịch vụ nhà hàng - Bậc 1	Mô đun 1
3	Lê Thị Kim Bình	ThS. Quản trị kinh doanh	NVSP dạy trình độ cao đẳng	CC kỹ năng nghề Hướng dẫn du lịch - Bậc 1	Mô đun 1
4	Trịnh Ngọc Thủy	ThS. Luật	NVSP dạy trình độ cao đẳng	CC kỹ năng nghề Hướng dẫn du lịch - Bậc 1	Mô đun 1
5	Nguyễn Thị Hồng	ThS. Kế toán	NVSP dạy trình độ cao đẳng	CC kỹ năng nghề Hướng dẫn du lịch - Bậc 1	Mô đun 1
6	Trần Thị Hương	ThS. Triết học	NVSP dạy trình độ cao đẳng	CC kỹ năng nghề Hướng dẫn du lịch - Bậc 1	Mô đun 1
7	Lê Văn Cẩm Thoa	ThS. Quản trị kinh doanh	NVSP dạy trình độ cao đẳng	CC kỹ năng nghề Hướng dẫn du lịch - Bậc 1	Mô đun 1
8	Thạch Thị Hải Huyền	ThS. Lí luận & PPDH môn Tiếng Anh	NVSP dạy trình độ cao đẳng		Mô đun 2

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
9	Nguyễn Túc	Cử nhân Tiếng Anh	NVSP dạy trình độ cao đẳng		Mô đun 2
10	Nguyễn Thị Thu Hoài	ThS. Lí luận & PPDH môn Tiếng Anh	NVSP dạy trình độ cao đẳng		Mô đun 2
11	Nghiêm Thị Thu Hoài	ThS. Ngôn ngữ đối chiếu	NVSP dạy trình độ cao đẳng		Mô đun 2

b) Nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy	Ghi chú
1						
2						
...						

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết			
	- Máy vi tính	Cái	01	
	- Máy chiếu	Cái	01	
	- Bút trình chiếu	Cái	01	
2	Phòng thực hành			
	- Máy.....			
	-			
3	Phòng máy vi tính			
	Số lượng máy tính/phòng	Cái	20	
4	Phòng học nghe nhìn			

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Máy			
	-			
5	Phòng			
	- Máy			
	-			

b) Cơ sở thực hành, thực tập (*Đơn vị tính là: xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi..*)

TT	Cơ sở thực hành, thực tập	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Xưởng thực tập nghề			
	- Máy (loại, ký hiệu)....			
	- Máy			
	-			
2	Xưởng thực tập nghề			
	- Máy			
	-			
3	Trạm.....			
	- Máy			
	-			
....				

3. Thư viện và học liệu (*giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính...*).

Sử dụng các loại sách và tài liệu tham khảo theo tài liệu tham khảo (trong mục F phần IV) của từng mô đun.